

d) Khu vực xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật:

đ) Trang thiết bị, dụng cụ:

e) Nơi nuôi nhốt (lưu giữ) động vật/chăm sóc động vật trước và sau phẫu thuật/bảo quản sản phẩm động vật:

g) Nơi cách ly động vật ốm/nơi lưu giữ sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

h) Nơi xử lý động vật, sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

.....
.....
.....

2. Yêu cầu nguyên liệu đầu vào để sản xuất kinh doanh, nước để sản xuất

a) Nguyên liệu đầu vào (nguồn gốc, phiếu kiểm tra, xét nghiệm)

b) Nước, nước đá sử dụng tại cơ sở: (hợp đồng cung cấp, phiếu xét nghiệm)

3. Yêu cầu về con người tham gia sản xuất, kinh doanh và quản lý chất lượng:

a) Hồ sơ sức khỏe của người làm việc tại cơ sở:

b) Tập huấn kiến thức liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

4. Chương trình quản lý vệ sinh thú y đang áp dụng

a) Hệ thống quản lý chất lượng tại cơ sở (hồ sơ biểu mẫu, sổ sách ghi chép; hồ sơ về việc thực hiện tự kiểm tra, giám sát của cơ sở; lưu giữ thông tin truy xuất nguồn gốc).

b) Chương trình vệ sinh, khử trùng, tiêu độc:

- Đã được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc ngày tháng năm

- Phương pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc:

- Hóa chất sử dụng:nồng độ:

c) Việc kiểm soát côn trùng, động vật gây hại:

5. Việc quản lý và xử lý chất thải rắn, nước thải

- Việc đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường:

- Hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải:

- Hợp đồng xử lý chất thải rắn, nước thải:

- Biện pháp xử lý chất thải rắn, nước thải:

- Phiếu xét nghiệm mẫu nước thải:

6. Các nội dung khác theo quy định tại Luật Thú y hoặc Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

.....
.....
.....

- Kết luận của Đoàn kiểm tra/giám sát:

- Ý kiến của đại diện cơ sở:

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan thú y giữ, 01 bản do cơ sở được kiểm tra/giám sát giữ.

Đại diện cơ sở
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

**MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA ĐỘNG VẬT CẦN PHÁT HIỆN TRƯỚC
GIẾT MỒ VÀ QUY TRÌNH KIỂM TRA SAU GIẾT MỒ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Một số biểu hiện bất thường trên gia súc

a) Bất thường về hô hấp: Thường thấy là rối loạn nhịp thở; nếu con vật có biểu hiện thở khác thường cần phải cách ly ngay và được coi là con vật bị nghi ngờ nhiễm bệnh.

b) Bất thường về hành vi: Có biểu hiện với một hoặc nhiều triệu chứng như:
Con vật đi vòng tròn hoặc có dáng đi không bình thường;
Húc đầu vào tường hoặc sợ ánh sáng rúc vào chỗ tối;
Tấn công bất kỳ vật gì và có biểu hiện hung dữ;
Mắt có biểu hiện đờ đẫn do bị tiêm thuốc an thần hoặc biểu hiện lo lắng;
Con vật lờ đờ, mệt mỏi, ngủ li bì.

c) Bất thường về dáng vẻ: Thường gắn liền với hiện tượng đau ở chân, phổi hoặc vùng bụng hoặc là dấu hiệu của bệnh thần kinh; vận động kém.

d) Bất thường về dáng đứng: Thường thấy là hiện tượng con vật quay đầu về phía bụng hoặc đứng với cổ vươn ra và chân dạng thẳng; cũng có thể là con vật nằm và đầu ngoeo sang một bên; con vật không có khả năng đứng lên, thường là do bị kiệt sức.

d) Bất thường về cấu tạo và hình thể của con vật:
Sưng (áp-xe) thường gặp ở lợn;
Khối u trên mắt;
Các khớp sưng to;
Sưng vùng rốn (thoát vị hoặc viêm tĩnh mạch rốn);
Bầu vú sưng to, có biểu hiện đau, dấu hiệu của viêm vú;
Hàm sưng (còn gọi là hàm nổi cục);
Bụng chướng to bất thường do bị bơm nước hoặc trạng thái bệnh lý.

e) Mủ hoặc dịch xuất tiết bất thường:

Dịch từ mũi, nước bọt ú trong mồm sau khi sinh;
Dịch tiết từ mắt;
Dịch tiết từ âm đạo, tử cung;
Dịch tiết hậu môn; tiêu chảy ra máu.

Miệng nhỏ nhót, dãi hoặc ói mửa nước vàng nhạt lẩn bọt (nước cám), miệng hàn vết khớp móm.

g) Màu sắc bất thường: Như có vùng đen trên da, có vùng màu đỏ ở chỗ da sáng màu (hiện tượng viêm), có vùng xanh sẫm trên da hoặc bầu vú (hiện tượng hoại thư).

h) Mùi bất thường: Thường khó bị phát hiện trong quá trình kiểm tra trước khi giết mổ. Có thể phát hiện được mùi của ô áp-xe, mùi của thuốc điều trị, mùi cỏ mục hoặc mùi Axeton.

2. Một số biểu hiện bất thường trên gia cầm

Có biểu hiện với một hoặc nhiều triệu chứng như: Con vật đi đứng loạn choạng, lắc đầu, run rẩy, mệt mỏi, nằm tụ tập từng đám; sã cánh, nghèo đầu; có các biểu hiện ở đường hô hấp như khó thở, sổ mũi, chảy nước mũi, thở khò khè, vảy mỏ, chảy nhiều nước mắt; sung phù đầu và mặt, sung mí mắt, mào và tích tím tái; tiêu chảy, phân loãng màu trắng hoặc trắng xanh; lông ở vùng gần hậu môn bết lại.

3. Thân nhiệt và tần số hô hấp sinh lý của một số loại động vật

Loại động vật	Thân nhiệt trung bình ($^{\circ}\text{C}$)	Tần số hô hấp (số lần/1 phút)
Ngựa	37,5 - 38,5	8 - 16
Trâu	37,5 - 39,0	18 - 21
Bò	37,5 - 39,5	10 - 30
Dê	38,5 - 39,5	10 - 18
Cừu	38,5 - 40,0	10 - 20
Lợn to	37,5 - 38,5	20 - 30
Lợn con	38,0 - 40,0	20 - 30
Gà	40,5 - 42,0	22 - 25

4. Quy trình kiểm tra sau giết mổ đối với trâu, bò, dê, cừu

4.1. Khám đầu:

a) Kiểm tra bờ mặt ngoài, mắt, niêm mạc miệng, lưỡi xem có dấu hiệu bệnh lý như bệnh tích bệnh Lở móm long móng, Mụn nước, Tụ huyết trùng, Hoại tử, ...;

b) Kiểm tra cơ nhai và cơ lưỡi để phát hiện hạt gạo; kiểm tra niêm mạc miệng, cơ nhai, cơ lưỡi để phát hiện dấu hiệu bệnh lý;

c) Kiểm tra hạch lâm ba mang tai, dưới hàm (điểm a và b mục 7.2 của Phụ lục này) làm căn cứ biết thêm tình trạng vùng đầu và phát hiện bệnh tích bệnh Lao hoặc các ô áp xe; quan sát hình thái, thể tích, màu sắc bên ngoài của

hạch; bỗng dội hạch xem màu sắc, mặt cắt và độ rắn, mềm của hạch lâm ba, khi cắt hạch có chảy nước ra không, có xung huyết, xuất huyết, có mủ hay không; chú ý quan sát về những biến đổi bệnh lý trên mặt cắt, mỗi hạch cắt tối thiểu hai lát cắt.

4.2. Khám phủ tạng:

a) Khám phổi: Quan sát bên ngoài như hình thái, màu sắc, tính chất của các thùy phổi, chú ý phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xung huyết, xuất huyết, hoại tử, ...; xem nhu mô phổi, sờ nắn toàn bộ lá phổi, cắt ngang lá phổi xem màu sắc của mặt cắt; chú ý phát hiện bệnh tích viêm phổi, lao, kén nước, ký sinh trùng...; kiểm tra hạch lâm ba phế quản phổi trái, phải và hạch trung thất (điểm 1 mục 7.2 của Phụ lục này).

b) Khám tim: Quan sát bên ngoài như hình thái, màu sắc, tính chất cơ tim, mỡ vành tim, tình trạng tích nước của màng bao tim, các dấu hiệu bệnh lý như viêm màng bao tim, xuất huyết; nếu phát hiện có dấu hiệu bệnh lý thì bỗng dội quả tim để quan sát màu sắc mặt trong tim, độ đàn hồi của cơ tim, biến đổi của van nhĩ thất, các dấu hiệu bệnh lý như xuất huyết, ký sinh trùng ở cơ tim.

c) Khám gan: Quan sát bên ngoài, xem hình thái, thể tích, rìa gan, màu sắc bên ngoài của gan; cắt tổ chức gan để kiểm tra màu sắc bên trong của tổ chức gan, độ rắn mềm của gan, bề mặt mặt cắt; kiểm tra xem có các ổ áp xe, nhiễm ký sinh trùng như kén nước; nếu cần thiết, cắt ống dẫn mật để kiểm tra sán lá gan; kiểm tra hạch lâm ba gan (điểm k mục 7.2 của Phụ lục này).

d) Khám thận: Bóc màng bao thận, quan sát hình thái, thể tích, màu sắc, tính chất của thận, các điểm xuất huyết trên bề mặt thận; nếu nghi ngờ thì bỗng dội thận xem các tổ chức của thận và bề thận.

d) Khám lách: Quan sát ngoài như hình thái, thể tích, màu sắc, tính chất của lách; quan sát bên trong, cắt dọc lách quan sát trạng thái mặt cắt và các tổ chức lách.

e) Khám dạ dày, ruột: Kiểm tra các vết loét, xung huyết, xuất huyết ở niêm mạc dạ dày; kiểm tra các hạt lao ruột, xung huyết, xuất huyết ở niêm mạc ruột, nốt loét ở thành ruột; kiểm tra hạch lâm ba màng treo ruột (điểm m mục 7.2 của Phụ lục này).

4.3. Khám thân thịt:

a) Kiểm tra độ sạch của thân thịt: Phát hiện thân thịt có tạp nhiễm chất chứa đường tiêu hoá và các tạp chất khác;

b) Kiểm tra màu sắc của các tổ chức mỡ, cơ, các dấu hiệu bệnh lý như xuất huyết, hoại tử, ổ áp xe;

c) Kiểm tra xoang chậu, xoang ngực, xoang bụng: Quan sát màu sắc, xem có dấu hiệu bất thường như tụ máu hay dấu hiệu bệnh lý như viêm phổi dính xoang ngực, viêm ruột dính xoang bụng, ổ áp xe, tình trạng tích nước;

d) Kiểm tra mô xương xốp (xương sống): Quan sát màu sắc xem có sậm màu hay không;